

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố điểm xét tuyển và danh sách trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên đại học, hình thức vừa làm vừa học đặt tại Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai, năm 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Đại học Huế về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018;

Căn cứ Quyết định 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của TTCP quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 03 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định 1282/QĐ-ĐHSP ngày 02 tháng 6 năm 2017 ban hành Quy định tuyển sinh đại học liên thông hình thức vừa làm vừa học và Quyết định 3166/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 11 năm 2018 điều chỉnh, bổ sung QĐ 1282/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế;

Theo biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ngày 11/01/2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố điểm xét tuyển và danh sách trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên đại học hình thức vừa làm vừa học, ngày 22-23/12/2018, đặt tại Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai, cụ thể như sau:

TT	Ngành	Điểm xét tuyển	Số thí sinh trúng tuyển
1	Giáo dục Tiểu học	18,75	57
2	Giáo dục Mầm non	19,75	103
	Cộng		160

Điểm xét tuyển là tổng điểm của 03 môn thi không nhân hệ số, không có môn nào dưới 2,0 điểm; áp dụng đối với thí sinh khu vực 3, không thuộc diện ưu tiên. Mức chênh lệch điểm xét tuyển giữa hai nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp là 1,0 điểm; giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 điểm.

Điều 2. Các ông, bà Trường Khoa, Trưởng Phòng có liên quan và các thí sinh có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đại học Huế;
- Như Điều 2;
- Trường CDSP Gia Lai;
- Lưu: VT.



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2018

Hình thức: Vừa làm vừa học
Ngành: **GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Đặt tại: Trường CĐSP Gia Lai
Kỳ thi ngày: 22, 23/12/2018

(Kèm theo QĐ 162 /QĐ-ĐHSP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Huế)

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp				Khu vực	Đối tượng	Điểm thi			Điểm UT	Cộng
						Năm	Hệ	Trường	Ngành			M1	M2	M3		
1	TU001	Rmah H' Amo	Nữ	06/07/1989	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	5,50	6,00	7,25	2,75	21,50
2	TU002	Nguyễn Thị Mỹ An	Nữ	21/08/1973	Gia Lai	1998	Tại chức	CĐSP Gia Lai	GD Tiểu học	KV1	1	8,00	8,00	8,00	2,75	26,75
3	TU004	Đinh Văn Beo	Nam	26/05/1979	Gia Lai	2001	Tại chức	CĐSP Gia Lai	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	7,75	2,75	24,00
4	TU005	Hoàng Kim Biểu	Nam	10/12/1973	Quảng Nam	2001	Tại chức	CĐSP Gia Lai	GD Tiểu học	KV1	1	8,00	7,00	7,50	2,75	25,25
5	TU006	Blam	Nữ	1992	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	7,50	7,00	2,75	23,75
6	TU007	Kpă H' Bluy	Nữ	28/04/1988	Gia Lai	2013	Chính quy	ĐH Hùng Vương	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	7,25	2,75	23,50
7	TU008	Rcom H' Buy	Nữ	07/04/1992	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	8,00	7,00	7,50	2,75	25,25
8	TU009	Ksor Chanh	Nam	01/04/1990	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	6,00	6,00	7,50	2,75	22,25
9	TU010	Lý Thị Hồng Chinh	Nữ	05/10/1989	Bắc Kạn	2012	Chính quy	CĐCB Bắc Cạn	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	7,00	2,75	23,25
10	TU011	Nguyễn Văn Cúc	Nam	30/10/1990	Bắc Kạn	2010	Chính quy	CĐCB Bắc Cạn	GD Tiểu học	KV1	1	4,50	6,00	7,50	2,75	20,75
11	TU012	Lê Thị Diễm	Nữ	10/08/1993	Gia Lai	2013	Chính quy	ĐH Quảng Nam	GD Tiểu học	KV1		7,00	7,00	7,50	0,75	22,25
12	TU013	Ksor Doang	Nam	07/08/1991	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐSP Lạng Sơn	GD Tiểu học	KV1	1	7,50	7,00	7,25	2,75	24,50
13	TU014	Kpă Drien	Nam	14/06/1993	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	6,00	7,00	7,50	2,75	23,25
14	TU015	Trần Thị Thu Dung	Nữ	25/12/1993	Gia Lai	2015	Chính quy	CĐSP Thái Bình	GD Tiểu học			7,00	7,00	7,75	0,00	21,75
15	TU016	Hà Thanh Giang	Nam	06/12/1988	Cao Bằng	2011	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	4,50	7,00	6,75	2,75	21,00
16	TU017	Nguyễn Tiến Hà	Nam	15/01/1981	Sông Bé	2000	Chính quy	CĐSP Gia Lai	GD Tiểu học	KV1	1	6,00	7,00	8,00	2,75	23,75
17	TU018	Vũ Thanh Hiếu	Nam	10/01/1974	Thái Bình	2000	Tại chức	CĐSP Gia Lai	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	8,25	2,75	24,50
18	TU019	Phạm Thị Hòa	Nữ	12/10/1986	Nghệ An	2010	Chính quy	CĐ Hải Dương	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	7,75	2,75	24,00
19	TU020	Đỗ Thị Hương	Nữ	20/04/1991	Gia Lai	2011	Chính quy	CĐSP Hà Nội	GD Tiểu học	KV1	1	8,00	7,50	7,75	2,75	26,00
20	TU021	Đinh Thị Hương	Nữ	01/06/1979	Hà Tĩnh	1998	Chính quy	CĐSP Gia Lai	GD Tiểu học	KV1	1	6,50	8,00	8,50	2,75	25,75

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp				Khu vực	Đội tuyển	Điểm thi			Điểm UT	Công	
						Năm	Hệ	Trường	Ngành			M1	M2	M3			
21	TU022	Phạm Thị Thu	Hường	Nữ	23/10/1979	Gia Lai	1998	Chính quy	CDSP Gia Lai	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	8,50	2,75	24,75
22	TU023	Ksor H'	Kut	Nữ	19/06/1990	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,00	7,00	7,75	2,75	23,50
23	TU024	Siu	Lâm	Nam	03/09/1991	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	8,50	7,00	7,50	2,75	25,75
24	TU025	Kpă	Linh	Nam	29/12/1993	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,00	6,00	7,75	2,75	22,50
25	TU026	Nay	Long	Nam	07/04/1990	Gia Lai	2012	Chính quy	BH Quảng Nam	GĐ Tiểu học	KV1	1	5,00	8,00	7,50	2,75	23,25
26	TU027	Ksor H'	Lot	Nữ	12/08/1993	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Lạng Sơn	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	7,50	2,75	23,75
27	TU028	Nay H'	Luit	Nữ	20/07/1992	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	8,00	7,00	7,50	2,75	25,25
28	TU029	Hàng Thảo	Miễn	Nữ	22/01/1995	Gia Lai	2018	Chính quy	Tr cấp Đồng Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,50	7,00	7,50	2,75	24,75
29	TU030	Siu H'	Miễn	Nữ	07/02/1993	Gia Lai	2013	Chính quy	BH Quảng Nam	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	8,00	7,75	2,75	25,50
30	TU031		Mỹ	Nữ	27/09/1976	Gia Lai	2001	Chính quy	CDSP Gia Lai	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	7,00	8,00	2,75	24,75
31	TU036	Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	23/06/1984	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1		6,50	6,00	7,50	0,75	20,75
32	TU032	Đặng Thị	Nga	Nữ	20/04/1972	Nghệ An	2000	Tài chức	CDSP Gia Lai	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	7,00	7,50	2,75	24,25
33	TU033	Hoàng Hữu	Nghị	Nam	18/08/1986	Lạng Sơn	2008	Chính quy	CDSP Hà Nam	GĐ Tiểu học	KV1	1	5,00	5,00	7,75	2,75	20,50
34	TU034	Rmah Ha	Nhung	Nữ	15/08/1991	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Lạng Sơn	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,50	7,00	8,00	2,75	25,25
35	TU035	R'ôm H'	Nui	Nữ	11/10/1978	Gia Lai	2001	Chính quy	CDSP Gia Lai	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	7,00	7,50	2,75	24,25
36	TU036	Rcom H'	Nuyt	Nữ	20/12/1991	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	6,50	7,75	2,75	24,00
37	TU037	Nay H'	Oan	Nữ	05/07/1990	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,00	6,50	7,00	2,75	22,25
38	TU037	Ksor H'	Pen	Nữ	21/12/1990	Gia Lai	2012	Chính quy	BH Quảng Nam	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	7,00	8,25	2,75	25,00
39	TU038	Nay H'	Poanh	Nữ	05/01/1985	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,50	7,00	8,00	2,75	24,25
40	TU039	Đinh Thị	Sâm	Nữ	06/10/1979	Ninh Bình	1998	Chính quy	CDSP Gia Lai	GĐ Tiểu học	KV1		6,50	7,00	8,00	0,75	22,25
41	TU040	Lương Thị	Sen	Nữ	05/06/1987	Thanh Hoá	2011	Chính quy	BH Hải Phòng	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,00	7,00	7,50	2,75	23,25
42	TU041	Nông Văn	Sinh	Nam	06/02/1976	Cao Bằng	2001	Tài chức	CDSP Gia Lai	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	6,00	7,75	2,75	23,50
43	TU042	Rmah	Sôn	Nam	30/12/1990	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Lạng Sơn	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	6,00	7,50	2,75	23,25
44	TU043	Nguyễn Văn	Son	Nam	02/04/1994	Thanh Hoá	2014	Chính quy	CDSP Lạng Sơn	GĐ Tiểu học	KV1	1	6,50	6,00	7,75	0,75	21,00
45	TU044	Nguyễn Văn	Tài	Nam	26/01/1990	Hà Tĩnh	2011	Chính quy	CD Hải Dương	GĐ Tiểu học	KV1	1	5,00	5,00	7,50	2,75	20,25
46	TU045	Nguyễn Vũ Như	Thảo	Nữ	16/07/1994	Quảng Ngãi	2016	Chính quy	Tr cấp Thái Nguyên	GĐ Tiểu học	KV1		6,00	6,00	8,25	0,75	21,00
47	TU046	Nguyễn Đức	Thảo	Nam	08/11/1985	Quảng Bình	2008	Chính quy	BH Phạm Văn Đồng	GĐ Tiểu học	KV1		5,50	6,50	6,00	0,75	18,75
48	TU047	Rah Lan	Thi	Nam	16/03/1989	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Lạng Sơn	GĐ Tiểu học	KV1	1	7,00	5,00	7,25	2,75	22,00
49	TU057	Trần Văn	Thọ	Nam	21/04/1983	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Lạng Sơn	GĐ Tiểu học	KV1	1	8,00	7,00	6,00	2,75	23,75

Gia Lai - 2018

2

23,75

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp			Khu vực	Đổi lượng	Điểm thi			Điểm Cộng	
						Năm	Hệ	Trường			Ngành	M1	M2		M3
50	TU048	Rơ Mãnh Siu	Nữ	29/07/1994	Gia Lai	2016	Chính quy	DH Thủ đô Hà Nội		1	6,50	7,00	8,25	2,75	24,50
51	TU003	A	Nam	24/08/1995	Kon Tum	2016	Chính quy	CD K.T-KT Quảng Nam		1	6,00	7,00	7,50	2,75	23,25
52	TU049	Võ Thị Diễm	Nữ	14/04/1972	Gia Lai	1999	VL.VH	CDSP Gia Lai		1	7,50	7,00	7,50	0,75	22,75
53	TU050	Rmah Dăm	Nam	12/07/1988	Gia Lai	2013	Chính quy	CD Hải Dương		1	7,50	7,50	7,50	2,75	25,25
54	TU051	Huỳnh Thị Minh	Nữ	06/06/1978	Quảng Ngãi	1996	Chính quy	CDSP Gia Lai		1	8,00	7,00	7,50	2,75	25,25
55	TU052	Trần Thị Thanh	Nữ	17/12/1987	Hải Dương	2009	Chính quy	CDSP Hà Nam		1	6,50	6,50	7,75	2,75	23,50
56	TU053	Siu Mai H'	Nữ	07/10/1989	Gia Lai	2012	Chính quy	CDSP Hà Nam		1	5,50	7,00	7,50	2,75	22,75
57	TU054	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	22/05/1978	Gia Lai	2001	Chính quy	CDSP Gia Lai		1	7,00	7,00	7,50	2,75	24,25

Ân định danh sách này có 57 thí sinh trúng tuyển.

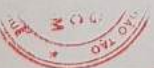
M1: Lịch sử

M2: Ngữ văn

M3: Địa lý



TS. Lê Anh Phương



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC NĂM 2018

Hình thức: Vừa làm vừa học
Ngành: **GIÁO DỤC MẦM NON**

Đặt tại: **Trường CĐSP Gia Lai**
Kỳ thi ngày: 22, 23/12/2018

(Kèm theo QĐ 162 /QĐ-ĐHSP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Huế)

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp				Khu vực	Đối tượng	Điểm thi			Điểm UT	Tổng
						Năm	Hệ	Trường	Ngành			M1	M2	M3		
1	MN001	Siu An	Nữ	28/02/1994	Gia Lai	2016	Chính quy	CĐSP Hà Nam	SP Mầm non	KV1	1	10,00	6,00	6,50	2,75	25,25
2	MN002	Nguyễn Nguyên Anh	Nữ	01/04/1994	Gia Lai	2015	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		10,00	5,00	7,00	0,75	22,75
3	MN003	Rơ Châm Awunh	Nữ	21/11/1994	Gia Lai	2015	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoá	SP Mầm non	KV1	1	9,00	5,00	7,00	2,75	23,75
4	MN004	Huỳnh Thị Ngọc Bích	Nữ	10/10/1997	Gia Lai	2017	Chính quy	ĐH Quảng Nam	SP Mầm non	KV1		9,00	5,00	7,00	0,75	21,75
5	MN006	Trương Thị Thùy Danh	Nữ	08/10/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	6,50	7,00	0,75	23,25
6	MN007	R'ô H' Dê	Nữ	12/12/1997	Gia Lai	2018	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	9,00	6,00	6,50	2,75	24,25
7	MN008	Huỳnh Thị Cẩm Diệu	Nữ	26/11/1988	Gia Lai	2012	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	5,50	7,00	0,75	22,25
8	MN010	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	25/11/1986	Đắk Lắk	2016	Chính quy	CĐSP Trung ương	SP Mầm non	KV1		9,00	5,50	7,50	0,75	22,75
9	MN011	Mai Thị Kim Dung	Nữ	04/01/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoá	SP Mầm non	KV1		9,00	5,50	6,50	0,75	21,75
10	MN012	Cao Thị Duyên	Nữ	06/05/1996	Hà Tĩnh	2017	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		10,00	6,00	7,00	0,75	23,75
11	MN005	Ksor H' Đăm	Nữ	06/12/1997	Gia Lai	2018	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	9,00	6,00	7,00	2,75	24,75
12	MN009	Rơ Mah H' Đil	Nữ	20/12/1995	Gia Lai	2016	Chính quy	CĐSP Hà Tây	SP Mầm non	KV1	1	9,00	5,00	8,00	2,75	24,75
13	MN013	Lê Thị Hà Giang	Nữ	16/01/1987	Gia Lai	2014	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non	KV1		10,00	5,00	7,00	0,75	22,75
14	MN014	Vũ Thị Cẩm Hà	Nữ	07/09/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoá	SP Mầm non	KV1		10,00	5,00	7,00	0,75	22,75
15	MN015	Ksor H' Hà	Nữ	20/12/1995	Gia Lai	2015	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	10,00	7,00	7,00	2,75	26,75
16	MN016	Đỗ Thu Hà	Nữ	28/05/1993	Thanh Hóa	2016	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	7,50	7,50	0,75	24,75
17	MN019	Lê Thị Hạnh	Nữ	16/05/1989	Gia Lai	2014	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non	KV1		10,00	5,50	6,50	0,75	22,75
18	MN020	Đinh Thị Hạnh	Nữ	10/05/1994	Gia Lai	2018	Chính quy	Trung cấp Đan San	SP Mầm non	KV1	1	9,00	7,00	7,50	2,75	26,25
19	MN021	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	19/05/1993	Gia Lai	2013	Chính quy	CĐSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	6,50	6,50	0,75	22,75
20	MN018	Đào Thị Thanh Hằng	Nữ	19/06/1995	Gia Lai	2016	Chính quy	CĐSP TƯ Nha Trang	SP Mầm non	KV1		9,00	5,50	7,50	0,75	22,75

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp			Khu vực	Đổi tương	Điểm thi			Điểm UT	Cộng
						Hệ	Trường	Ngành			M1	M2	M3		
21	MN017	Nguyễn Bảo Hân	Nữ	03/03/1997	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	5,00	7,00	0,75	21,75
22	MN022	Dương Thị Hậu	Nữ	26/02/1995	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	6,50	7,00	0,75	23,25
23	MN023	Puith H'	Nữ	17/04/1995	Gia Lai	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	1	9,00	5,50	6,50	2,75	23,75
24	MN024	Mai Thị Hiền	Nữ	12/09/1995	Gia Lai	Chính quy	CD Hai Dương	SP Mầm non	KV1		9,00	5,00	7,00	0,75	21,75
25	MN025	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	12/12/1987	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		10,00	5,50	6,50	0,75	22,75
26	MN026	Nông Thị Như Hoa	Nữ	03/11/1996	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	9,00	5,00	7,50	2,75	24,25
27	MN027	Rmah Hoàn	Nữ	14/11/1990	Gia Lai	Chính quy	TC SPMN Thái Bình	SP Mầm non	KV1	1	10,00	6,00	6,50	2,75	25,25
28	MN029	Ksor H' Hồng	Nữ	11/01/1989	Gia Lai	Chính quy	TC Bách khoa TP HCM	SP Mầm non	KV1	1	9,00	5,50	6,50	2,75	23,75
29	MN028	Dương Thị Hoi	Nữ	02/07/1995	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	2	10,00	5,00	7,50	1,75	24,25
30	MN030	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	07/09/1987	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		10,00	7,00	7,50	0,75	25,25
31	MN031	Phan Thị Huệ	Nữ	23/09/1991	Hà Tĩnh	VL VH	BHSP Đà Nẵng	SP Mầm non	KV1		10,00	6,50	7,50	0,75	24,75
32	MN035	Hồ Thị Thanh Huyền	Nữ	16/06/1993	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	7,00	7,00	0,75	23,75
33	MN036	Đinh Thị Huyết	Nữ	08/07/1991	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	9,50	6,00	6,50	2,75	24,75
34	MN032	Rah Lan H'	Nữ	16/02/1992	Gia Lai	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	1	8,50	6,00	6,00	2,75	23,25
35	MN033	Nay H' Hương	Nữ	05/09/1997	Gia Lai	Chính quy	TC Trường Sơn	SP Mầm non	KV1	1	9,00	6,00	6,50	2,75	24,25
36	MN034	Vũ Thị Hương	Nữ	04/09/1993	Ninh Bình	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		10,00	7,50	8,00	0,75	26,25
37	MN037	Ksor H' Khơai	Nữ	25/12/1990	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	9,50	7,00	7,00	2,75	25,75
38	MN038	Nông Thị Kiều	Nữ	02/03/1993	Cao Bằng	Chính quy	Trung cấp Đan San	SP Mầm non	KV1	1	9,00	7,00	7,00	2,75	26,25
39	MN039	Rmah H' Kly	Nữ	21/02/1991	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	9,00	7,50	7,00	2,75	26,25
40	MN041	Rơ Châm Lern	Nữ	12/11/1995	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	1	10,00	7,00	7,00	2,75	26,75
41	MN042	Ksor H' Lêm	Nữ	13/09/1997	Gia Lai	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	1	9,50	7,00	6,50	2,75	25,75
42	MN044	Bùi Thị Bích Liên	Nữ	20/06/1998	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	7,50	8,00	0,75	25,25
43	MN045	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	02/03/1986	Gia Lai	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		9,00	7,50	7,50	0,75	24,75
44	MN046	Nguyễn Thị Thuý Loan	Nữ	14/06/1988	Gia Lai	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non	KV1		10,00	7,00	6,50	0,75	24,25
45	MN048	Siu H' Luít	Nữ	19/03/1988	Gia Lai	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	1	9,00	6,50	6,50	2,75	24,75
46	MN047	Kpă H' Lư	Nữ	28/03/1995	Gia Lai	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	1	9,00	8,00	7,50	2,75	27,25
47	MN049	Nguyễn Thị Mỹ Lưong	Nữ	02/02/1996	Gia Lai	Chính quy	TC Trường Sơn	SP Mầm non	KV1		7,00	7,00	7,00	0,75	21,75
48	MN050	Trương Thị Hải Lý	Nữ	02/06/1992	Hà Tĩnh	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1		7,00	7,00	6,50	0,75	21,25
49	MN051	Cao Thị Miến	Nữ	17/04/1993	Hà Tĩnh	Chính quy	TCSP MG-Nhà trẻ HN	SP Mầm non	KV1		7,00	7,00	8,00	0,75	22,75
50	MN052	Nguyễn Thị Thanh Minh	Nữ	28/06/1998	Gia Lai	Chính quy	CD P. Đồng Đà Nẵng	SP Mầm non	KV1		8,00	8,00	7,00	0,75	23,75

Gia Lai - 2016

23,75

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp				Khu vực	Điểm tương	Điểm thi			Điểm Cộng
						Năm	Hệ	Trường	Ngành			M1	M2	M3	
51	MN003	Phạm Thị Năm	Nữ	15/07/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	CD Hải Dương	SP Mầm non	KV1	10,00	7,50	7,50	0,75	25,75
52	MN004	Trần Thị Thủy Nga	Nữ	25/10/1997	Gia Lai	2017	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,50	5,50	6,50	0,75	22,25
53	MN005	Võ Thị Thanh Nga	Nữ	26/07/1989	Gia Lai	2012	Chính quy	CD Bình Định	SP Mầm non	KV1	8,50	5,00	7,00	0,75	21,25
54	MN006	Đinh Thị Ngân	Nữ	09/03/1990	Hòa Bình	2011	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	7,00	7,00	7,50	2,75	24,25
55	MN007	Lã Thị Bích Ngọc	Nữ	06/05/1990	Gia Lai	2011	Chính quy	CD Hải Dương	SP Mầm non	KV1	7,00	7,00	7,50	0,75	22,25
56	MN008	Ksor Ngan	Nữ	16/07/1991	Gia Lai	2012	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	8,00	8,00	2,75	27,75
57	MN009	Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt	Nữ	16/03/1996	Bình Định	2017	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	8,50	8,00	6,50	0,75	23,75
58	MN000	Ksor H' Nhã	Nữ	20/11/1997	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	6,50	2,75	25,75
59	MN001	Bé Thị Nhã	Nữ	02/02/1996	Cao Bằng	2016	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	9,00	7,00	7,50	2,75	26,25
60	MN002	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	24/12/1988	Gia Lai	2016	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	7,00	0,75	24,25
61	MN003	Rah Lan H' Nhi	Nữ	02/09/1989	Gia Lai	2012	Chính quy	TC SPMN Thái Bình	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	6,50	2,75	25,75
62	MN005	Nguyễn Thị Kim Nhung	Nữ	03/12/1995	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	7,50	0,75	24,75
63	MN006	Hào H' Nhuy	Nữ	14/04/1994	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	7,50	2,75	24,25
64	MN004	Nguyễn Thị Như	Nữ	01/12/1992	Gia Lai	2017	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	7,00	6,50	0,75	23,25
65	MN069	Hồ Thị Minh Phương	Nữ	18/09/1989	Gia Lai	2016	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	7,50	0,75	24,75
66	MN070	Nguyễn Thị Kim Phương	Nữ	24/06/1982	Gia Lai	2011	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,00	6,50	0,75	22,25
67	MN071	Bùi Thị Phương	Nữ	13/08/1996	Gia Lai	2017	Chính quy	Trung cấp Việt Khoa	SP Mầm non	KV1	9,00	6,00	6,50	0,75	22,25
68	MN072	Đinh Thị Pion	Nữ	09/02/1991	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	7,00	6,50	2,75	25,25
69	MN073	Kpã H' Put	Nữ	05/07/1991	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	6,00	2,75	25,25
70	MN074	Lê Trần Như Quỳnh	Nữ	16/09/1995	Gia Lai	2016	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,50	7,00	7,00	0,75	24,25
71	MN075	Trần Thị Diễm Quỳnh	Nữ	05/05/1996	Ninh Bình	2018	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non		9,00	7,50	7,00	0,00	23,50
72	MN077	Ksor H' Ruôn	Nữ	16/05/1995	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,50	7,00	2,75	25,25
73	MN078	Ksor H' Surrng	Nữ	19/03/1996	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,00	6,50	2,75	24,25
74	MN079	Lê Thị Kim Sương	Nữ	10/06/1991	Quảng Ngãi	2016	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	6,50	0,75	21,25
75	MN080	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Nữ	22/01/1994	Ninh Bình	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,50	7,00	0,75	23,25
76	MN081	Ro Chăm Teng	Nữ	06/08/1990	Gia Lai	2013	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	5,50	7,00	2,75	24,25
77	MN082	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	30/07/1984	Ninh Bình	2007	VL.VH	CDSP Ninh Bình	SP Mầm non	KV1	7,00	6,50	7,00	0,75	21,25
78	MN083	Lê Thị Thảo	Nữ	06/06/1984	Hà Tĩnh	2015	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	7,50	0,75	22,25
79	MN084	Trần Thị Thảo	Nữ	11/08/1989	Gia Lai	2018	Chính quy	TC Tổng hợp Hà Nội	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	6,50	0,75	21,25
80	MN085	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	24/02/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non		9,00	6,50	7,50	0,00	23,00

Gia Lai - 2018

23,00

NGHỊ ĐỊNH 100/HCM

TT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đã tốt nghiệp trung cấp				Khu vực	Điểm tương đương	Điểm thi			Điểm Cộng
						Năm	Hệ	Trường	Ngành			M1	M2	M3	ƯT
81	MN086	Phạm Thị Thêu	Nữ	30/06/1993	Gia Lai	2012	Chính quy	TCSP MN Thất Bình	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	6,50	0,75	21,25
82	MN087	Hồ Thị Kim Thoa	Nữ	17/08/1995	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,50	6,00	0,75	22,25
83	MN088	Nguyễn Thị Mai Thơm	Nữ	07/07/1993	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	8,00	7,50	0,75	25,25
84	MN089	Đỗ Thị Minh Thơm	Nữ	12/04/1994	Gia Lai	2014	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	7,00	6,50	7,00	0,75	21,25
85	MN093	Bùi Thị Ngọc Thùy	Nữ	20/05/1995	Gia Lai	2015	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	8,00	5,00	6,00	0,75	19,75
86	MN094	Ngày H' Thùy	Nữ	16/07/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	7,00	2,75	23,75
87	MN091	Lê Văn Anh Thư	Nữ	17/05/1993	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	7,00	0,75	21,75
88	MN092	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	14/12/1996	Gia Lai	2017	Chính quy	TC C. Nghiệp B. Dương	SP Mầm non		9,00	5,00	6,50	0,00	20,50
89	MN095	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	06/12/1993	Gia Lai	2016	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	6,00	0,75	20,75
90	MN096	Ksor H' Trang	Nữ	17/04/1993	Gia Lai	2017	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,00	6,00	2,75	23,75
91	MN098	Mai Thị Trân	Nữ	17/07/1990	Gia Lai	2017	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	10,00	6,00	6,50	0,75	23,25
92	MN097	Trần Thị Mỹ Triều	Nữ	18/06/1994	Gia Lai	2014	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	5,00	7,50	0,75	22,25
93	MN099	Trần Thị Thủy	Nữ	21/02/1993	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,50	7,00	0,75	23,25
94	MN100	Nguyễn Đình Tú	Nữ	10/01/1997	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,00	7,50	0,75	23,25
95	MN101	Trần Thị Mỹ Trinh	Nữ	02/10/1997	Gia Lai	2017	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	6,50	6,00	0,75	22,25
96	MN102	Lê Bảo Trinh	Nữ	16/05/1995	Gia Lai	2016	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	9,00	5,50	6,00	0,75	21,25
97	MN103	Đỗ Thị Tuyết Vân	Nữ	10/08/1994	Gia Lai	2015	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	8,00	7,00	0,75	24,75
98	MN105	Nguyễn Thị Vân	Nữ	24/06/1997	Bình Phước	2017	Chính quy	TC Bách nghệ Th. Hoà	SP Mầm non	KV1	9,00	7,50	7,00	0,75	24,25
99	MN106	Nông Thị Vân	Nữ	15/08/1991	Cao Bằng	2014	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	8,00	7,00	2,75	26,75
100	MN107	Lê Thị Bích Vân	Nữ	01/07/1996	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	10,00	5,50	7,00	0,75	23,25
101	MN108	Trần Thị Tường Vy	Nữ	24/11/1996	Gia Lai	2016	Chính quy	TC K. Thuật & Ng. Vn Nam SG	SP Mầm non	KV1	9,00	7,50	7,00	0,75	24,25
102	MN109	Rcom H' Xuân	Nữ	19/06/1998	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	9,00	7,50	7,50	2,75	26,75
103	MN110	Yoam	Nữ	19/06/1998	Gia Lai	2018	Chính quy	CDSP Gia Lai	SP Mầm non	KV1	10,00	6,00	7,00	2,75	25,75

Ấn định danh sách này có 103 thí sinh trúng tuyển.

- M1: Toán
- M2: Ngữ văn
- M3: Năng khiếu

